

Số: 26 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định việc quản lý, sử dụng người hoạt động
không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định chức danh, mức phụ cấp người
hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố; chức
danh, mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa
bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, sử
dụng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn
tỉnh Cao Bằng.

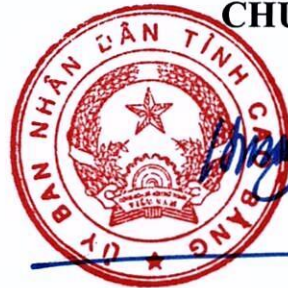
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10. tháng 2.. năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cao Bằng (để đưa tin);
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Việc quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách
ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách (sau đây viết tắt là NHĐKCT) ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng NHĐKCT ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 3. Tiêu chuẩn

1. Tiêu chuẩn chung

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và NHĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Đảng gồm: Phụ trách Văn phòng Đảng ủy; Phụ trách công tác Tổ chức, kiểm tra Đảng; Phụ trách Tuyên giáo dân vận.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: trình độ trung cấp trở lên những ngành đào tạo phù hợp với công việc được đảm nhiệm;

b) Đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh; phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; phó Chủ tịch Hội Nông dân; phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện theo quy định của Luật, Pháp lệnh, Điều lệ của khối Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp chưa có quy định hoặc chưa có hướng dẫn của khối Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội thì áp dụng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như tiêu chuẩn đối với chức danh NHĐKCT khối Đảng;

c) Đối với các chức danh NHĐKCT cấp xã thuộc khối chính quyền gồm: Nhân viên Thú y, khuyến nông; phụ trách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp trung cấp trở lên của các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc các ngành khác có liên quan;

d) Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã phải được đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở, trình độ từ trung cấp trở lên tại nhà trường quân đội.

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các chức danh bầu cử thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức mà mình là thành viên, của pháp luật liên quan và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

3. Các chức danh khác gồm: phụ trách Văn phòng Đảng ủy; phụ trách công tác Tổ chức, kiểm tra Đảng; phụ trách Tuyên giáo dân vận: trực tiếp tham mưu giúp việc cho Đảng ủy cấp xã và nhiệm vụ đột xuất khác khi được Đảng ủy cấp xã phân công.

4. Các chức danh khác gồm: phụ trách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình; nhân viên thú y, khuyến nông thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật liên quan; phối hợp, giúp cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

5. Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

6. Ngoài nhiệm vụ quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này và các văn bản khác có liên quan, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất khác theo yêu cầu của đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Chương III

BẦU CỬ, TUYỂN CHỌN NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 5. Hình thức bầu cử, tuyển chọn

1. Đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Điều lệ tổ chức mà NHĐKCT ở cấp xã là thành viên, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

2. Đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Đảng và khối chính quyền thực hiện tuyển chọn thông qua hình thức xét tuyển.

3. Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

Điều 6. Thực hiện xét tuyển

1. Căn cứ vào số lượng, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh NHĐKCT ở cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch xét tuyển sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch xét tuyển sau khi có văn bản thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trên cơ sở Kế hoạch xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai trên Đài truyền thanh cấp xã, Trang thông tin, điện tử cấp xã, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại các xóm, tổ dân phố về tiêu chuẩn, nhu cầu chức danh cần xét tuyển.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho công chức Văn phòng - thống kê chịu trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển đối với người có nhu cầu dự tuyển chức danh NHĐKCT ở cấp xã; lập danh sách người dự tuyển đủ tiêu chuẩn tại Điều 3 Quy định này, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tiến hành xem xét và xét tuyển.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển (có từ 5 đến 7 thành viên), gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng. Đại diện Đảng ủy cấp xã; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân; đại diện Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Công chức Văn phòng - thống kê là thành viên kiêm Thư ký.

5. Sau khi có kết quả xét tuyển

a) Đối với các chức danh khối Đảng do Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quyết định tuyển chọn và phân công nhiệm vụ;

b) Đối với chức danh khối chính quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tuyển chọn và phân công nhiệm vụ (trừ chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã);

c) Đối với chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện.

6. Sau quyết định tuyển chọn và phân công nhiệm vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) để kiểm tra, theo dõi và quản lý.

Điều 7. Nguyên tắc xét tuyển

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
2. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được phân công đảm nhiệm.

Điều 8. Đối tượng xét tuyển

1. Người có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- a) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 9. Nội dung xét tuyển

1. Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh người HĐKCT ở cấp xã đã đăng ký dự tuyển.

2. Trường hợp người đủ điều kiện, tiêu chuẩn nhiều hơn số lượng cần tuyển thì Hội đồng xét tuyển chọn người có trình độ cao hơn, thời gian công tác (thời gian làm việc thực tế lâu hơn). Trường hợp cả 2 có trình độ và thời gian công tác như nhau thì Hội đồng xét tuyển chọn người có kết quả học tập cao hơn. Nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Hội đồng xét tuyển quyết định người trúng tuyển. Hội đồng xét tuyển lập biên bản về kết quả hợp xét tuyển.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, BỈ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ THÔI VIỆC

Điều 10. Đánh giá, xếp loại

1. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

a) Các chức danh bầu cử thực hiện theo quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý;

b) Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự;

c) Các chức danh: phụ trách Văn phòng Đảng ủy; Phụ trách công tác Tổ chức, kiểm tra Đảng; phụ trách Tuyên giáo dân vận trước khi đánh giá, xếp loại Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trao đổi, xin ý kiến thống nhất về mức đánh giá, xếp loại của Đảng ủy cùng cấp;

d) Các chức danh khác thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá, xếp loại.

2. Nội dung, hình thức, quy trình đánh giá, xếp loại

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giữ các chức danh bầu cử thì áp dụng các quy định của pháp luật về đánh giá cán bộ cấp xã;

b) Người hoạt động không chuyên trách giữ chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giữ các chức danh còn lại thì áp dụng các quy định của pháp luật về đánh giá công chức cấp xã.

3. Thời điểm đánh giá, xếp loại

Thời điểm đánh giá, xếp loại được tiến hành trước ngày 15/12 hàng năm, trước khi thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên và tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của đơn vị.

Điều 11. Khen thưởng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ thì được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và theo Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với NHĐKCT ở cấp xã.

Điều 12. Xử lý kỷ luật

1. Các chức danh bầu cử thực hiện xử lý kỷ luật theo quy định của điều lệ tổ chức mà NHĐKCT ở cấp xã là thành viên và của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật đối với chức danh: phụ trách Văn phòng Đảng ủy; phụ trách công tác Tổ chức, kiểm tra Đảng; phụ trách Tuyên giáo dân vận; phụ trách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình; nhân viên thú y, khuyến nông.

3. Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thực hiện xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

4. Nội dung, hình thức, quy trình xử lý kỷ luật đối với NHĐKCT ở cấp xã áp dụng như đối với cán bộ, công chức cấp xã. Riêng hình thức kỷ luật thì không áp dụng hình thức hạ bậc lương.

Điều 13. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và giải quyết thôi việc

1. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của điều lệ tổ chức mà NHĐKCT ở cấp xã là thành viên và theo phân cấp quản lý cán bộ ở địa phương.

2. Đối với các chức danh NHĐKCT ở cấp xã thuộc khối Đảng và khối chính quyền

a) Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho NHĐKCT ở cấp xã thôi việc;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được giải quyết cho thôi việc trong các trường hợp sau:

- Có 02 năm liên tiếp được đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ;
- Theo nguyện vọng và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

4. Người hoạt động không chuyên trách cấp ở xã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ tổ chức mà NHĐKCT ở cấp xã là thành viên.

5. Sau khi giải quyết cho NHĐKCT ở cấp xã thôi việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) để kiểm tra, theo dõi và quản lý.

Chương V

THỜI GIAN LÀM VIỆC, QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 14. Thời gian làm việc

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã làm việc tối thiểu 03 ngày/tuần.

2. Ngoài thời gian làm việc theo khoản 1 Điều này, khi có yêu cầu, NHĐKCT ở cấp xã phải chấp hành sự phân công của cấp có thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Quyền lợi, nghĩa vụ

1. Quyền lợi

- a) Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ;
- b) Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật;
- c) Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ;

e) Được hưởng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm (nếu có) và các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

2. Nghĩa vụ

a) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân;

b) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Có ý thức tổ chức kỷ luật; chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật Nhà nước;

đ) Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

g) Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản Nhà nước được giao.

Điều 16. Chế độ, chính sách

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh; các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Quản lý hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, cập nhật, quản lý và lưu trữ hồ sơ của NHĐKCT ở cấp xã áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng đối với NHĐKCT ở cấp xã trên địa bàn tỉnh;

2. Thông kê, báo cáo và hướng dẫn việc thông kê, báo cáo số lượng, chất lượng NHĐKCT ở cấp xã theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh NHĐKCT ở cấp xã cho phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cấp xã.
2. Phê duyệt kế hoạch xét tuyển; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với NHĐKCT ở cấp xã.
3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng NHĐKCT ở cấp xã.
4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với NHĐKCT ở cấp xã.
5. Giải quyết và chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với NHĐKCT ở cấp xã.
6. Quyết định khen thưởng NHĐKCT ở cấp xã.
7. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng NHĐKCT ở cấp xã trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng NHĐKCT ở cấp xã.
2. Trực tiếp quản lý, sử dụng và thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với NHĐKCT ở cấp xã.
3. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng NHĐKCT ở cấp xã ở địa bàn và theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền.
4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với NHĐKCT ở cấp xã.
5. Quyết định kỷ luật và khen thưởng; xem xét đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện trở lên khen thưởng NHĐKCT ở cấp xã.
6. Thực hiện thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng NHĐKCT ở cấp xã theo yêu cầu của cấp trên.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với NHĐKCT ở cấp xã được bầu cử, tuyển dụng trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng các tiêu chuẩn theo Quy định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 (ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ có hiệu lực thi hành) phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy định này. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ theo quy định.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Việc thực hiện quy định này phải đảm bảo phù hợp với Điều lệ Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.
2. Trường hợp các văn bản viện dẫn áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đó./.